

## ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA KHOA SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

BÙI ANH TUẤN<sup>\*</sup>, NGUYỄN THỊ HỒNG NAM<sup>\*\*</sup>

### TÓM TẮT

*Trong xu thế đào tạo hiện nay, việc đánh giá hiệu quả đào tạo là yêu cầu cấp bách đối với các cơ sở đào tạo. Đối với Khoa Sư phạm Trường ĐH Cần Thơ, công tác thu thập ý kiến của các trường phổ thông về chất lượng đào tạo của khoa được thực hiện hàng năm qua các đợt kiến tập và thực tập sư phạm. Trong bài báo này, chúng tôi sẽ phân tích ý kiến đánh giá của Ban chỉ đạo thực tập các trường PT về những ưu, nhược điểm của sinh viên trong công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm. Trên cơ sở đó, đề xuất một số ý kiến về đổi mới chương trình, phương pháp dạy học của Khoa.*

### ABSTRACT

#### *Analysis the feedback of highschools for the teacher training quality of School of Education, Can Tho University*

*In current training trends, training effectiveness assessment is the essential requirement for colleges and universities. For School of Education (SoE), Can Tho University, collecting the feedback of highschools for the training quality of SoE is carried out annually through the reports of the Teaching Practices. In this article, we will analyze the reports of the Management Boards of the Teaching Practices for positive and negative aspects of students in teaching and classroom management. From those results, we propose some motions for the improvement of curricula and teaching methods of SoE.*

### 1. Đánh giá chương trình đào tạo giáo viên

Theo nghĩa thông thường, đánh giá (evaluation) là đưa ra các nhìn nhận, phê bình hay phán quyết về một sự vật, hiện tượng hay vấn đề nào đó. Để việc đánh giá hiệu quả thì các ý kiến hay nhận định phải dựa trên những dữ liệu thích hợp và xác đáng. Trong nhà trường, theo Allen & Unwin (1993), việc đánh giá thường được thực hiện bằng hai cách: đánh giá

sản phẩm (product evaluation) và đánh giá tiến trình (process evaluation). Allen & Unwin xem việc đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) là kiểu đánh giá tiến trình. Davis (1980) cho rằng “đánh giá CTĐT là một tiến trình của việc lên kế hoạch, thu thập và cung cấp những thông tin hữu ích cho các quyết định và phán quyết về CTĐT”. Theo Marsh (1986), đánh giá CTĐT bao gồm việc kiểm tra/xem xét các mục tiêu, các yếu tố nền tảng và cấu trúc của chương trình; việc nghiên cứu bối cảnh mà trong đó xảy ra sự tương tác với người học và việc phân tích các sở thích, động cơ và thành

<sup>\*</sup> ThS, Khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ

<sup>\*\*</sup> TS, Khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ

quả mà người học trải nghiệm trong một CT cụ thể. Vậy để đánh giá CTĐT thì phải tiến hành theo những bước nào là phù hợp? Allen & Unwin (1993) đề xuất một mô hình 7 bước: (1) *Tiên liệu việc đánh giá*: hiểu bối cảnh mà việc đánh giá được thực hiện; (2) *Định rõ công việc*: vạch rõ phạm vi của việc đánh giá (ai được đánh giá, bao gồm những việc gì, liên quan đến những mục tiêu nào); (3) *Thiết kế việc đánh giá*: sắp đặt kế hoạch để tiến hành đánh giá; (4) *Thu thập số liệu*: thu thập cả những số liệu thông thường và những số liệu thu được bằng sử dụng các kỹ thuật như sắp đặt trong kế hoạch; (5) *Phân tích số liệu*: phân tích, tổng hợp và trình bày số liệu như dự kiến; (6) *Kết luận*: viết kết luận dựa trên các kết quả và chuẩn bị báo cáo; (7) *Trình bày các kết luận và những điều gợi ý gắn đến độc giả*.

Nhằm đánh giá hiệu quả của CTĐT, từ năm 2009, Trường Đại học Cần Thơ, trong đó có Khoa Sư phạm (KSP) đã tiến hành kiểm định các CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn của AUN (ASEAN University Network). Một trong những hoạt động của công tác này là phân tích, đánh giá các *Báo cáo tổng kết của Ban chỉ đạo thực tập sư phạm* (BCĐTTSP) các trường trung học phổ thông (THPT) về công tác thực tập sư phạm và về chất lượng đào tạo giáo viên (GV) của Khoa. Việc phân tích dữ liệu của các bản báo cáo này nhằm giúp Khoa:

(1) Bước đầu lượng định những *kết quả học tập mong đợi* (tiêu chuẩn 1 của AUN) của các CTĐT của Khoa xem đã đạt được ở mức độ nào;

(2) Xem xét những *khái niệm sư phạm và chiến lược giảng dạy* (tiêu chuẩn 5) được triển khai tại Khoa đã phù hợp hoặc phù hợp đến mức nào so với thực tiễn dạy học tại trường THPT;

(3) Xem xét các thông tin *phản hồi từ các bên liên quan* (tiêu chuẩn 16), cụ thể là Ban Giám hiệu các trường THPT, đối tượng vừa trực tiếp đào tạo SV (thông qua hướng dẫn thực tập sư phạm), vừa là người sử dụng lao động trong tương lai; từ đây, có thể làm rõ một phần về *sự hài lòng của các đối tượng liên quan* (tiêu chuẩn 18);

(4) Trên cơ sở đó, *thiết kế lại CTĐT* phù hợp (tiêu chuẩn 14).

Trong quá trình tìm tư liệu thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã tìm được 71 báo cáo của các trường THPT các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ về công tác giảng dạy (GD), công tác chủ nhiệm (CN) của SV từ năm học 2002 – 2003 (khóa 25) đến năm học 2006 – 2007 (khóa 30). Vì công tác lưu trữ số liệu thực tập của KSP làm chưa được tốt, do đó, chỉ có các báo cáo của hai khóa 28 và 30 là tương đối đầy đủ. Số lượng báo cáo trong các năm được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 1. Số lượng các báo cáo theo năm học**

Năm học	Khoá	Số lượng báo cáo
2002 – 2003	25	7
2003 – 2004	26	
2004 – 2005	27	3
2005 – 2006	28	26
2006 – 2007	29	13
2007 – 2008	30	22
<b>Tổng cộng</b>		<b>71</b>

Báo cáo tổng kết của BCĐTTSP của các trường được viết theo mẫu của KSP gửi các trường. Mỗi báo cáo gồm các mục: (1) Tình hình chung; (2) Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch TTSP; (3) Thống kê kết quả TTSP của giáo sinh (GS); (4) Những vấn đề cần nghiên cứu và đề nghị; (5) Đề nghị khen thưởng, kỷ luật; (6) Danh sách kết quả TTSP của GS TTSP tại trường. Các số liệu trong bài viết này được trích lục từ mục 2 và mục 4, trong đó, tập trung vào các mục: ưu, nhược điểm của GS về *công tác GD*, *công tác CN*, *ý kiến* và *đề nghị* của các trường về *chất lượng đào tạo của Khoa*. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành

phân tích ý kiến của BCĐTT các trường THPT theo 3 chủ đề chính: (1) Công tác GD; (2) Công tác CN; (3) Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của KSP; (4) Đề nghị.

## 2. Phương pháp phân tích số liệu

Về phương pháp (PP) phân tích, chúng tôi sử dụng PP “*content analysis*” với sự hỗ trợ của phần mềm *Atlas.ti* phiên bản 5.5. Việc phân tích được tiến hành theo 6 bước sau đây:

\* **Bước 1:** Mỗi chủ đề trong 4 chủ đề chính được phân chia thành những chủ đề phụ và được mã hoá bằng các ký hiệu tương ứng:

STT	Chủ đề chính	Chủ đề phụ	Mã hoá bằng ký hiệu
1	Công tác giảng dạy	Kiến thức chuyên môn và nội dung bài giảng	Ưu điểm: 1ktU Khuyết điểm: 1ktK
		PP truyền đạt và cách thức tổ chức giảng dạy	Ưu điểm: 1ppU Khuyết điểm: 1ppK
		Đồ dùng dạy học (ĐDDH) và phương tiện thí nghiệm	Ưu điểm: 1ddU Khuyết điểm: 1ddK
		Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong DH	Ưu điểm: CNTT-U Khuyết điểm: CNTT-K
		Tác phong và thái độ của GS trong giảng dạy	Ưu điểm: 1tdU Khuyết điểm: 1tdK
2	Công tác chủ nhiệm	Giáo dục HS và giải quyết tình huống SP	Ưu điểm: 2gdU Khuyết điểm: 2gdK
		Tổ chức, quản lý các hoạt động và phong trào thi đua	Ưu điểm: 2tcU Khuyết điểm: 2tcK
		Thái độ đối với công tác chủ nhiệm	Ưu điểm: 2tdU Khuyết điểm: 2tdK
3	Chất lượng đào tạo		CL
4	Đề nghị		DN

\* **Bước 2:** Chuyển file các báo cáo từ '.doc' thành file '.rtf' để có thể nhận diện được bằng phần mềm *Atlas.ti*.

\* **Bước 3:** Tùy vào nội dung, từng đoạn trong báo cáo sẽ được đánh dấu mã hoá bằng các ký hiệu thích hợp được đề cập trong bảng thống kê ở bước 1.

\* **Bước 4:** Dựa vào các đánh dấu này, *Atlas.ti* sẽ hệ thống hoá lại toàn bộ báo cáo và cung cấp một số công cụ hỗ trợ, trong đó, hai công cụ thường được sử dụng là (1) Công cụ thống kê số lượng các đoạn văn được đánh dấu; (2) Công cụ hệ thống hoá các trích dẫn theo từng chủ đề được mã hoá.

\* **Bước 5:** Dựa vào công cụ (1) ở bước 5, có thể lập bảng so sánh số lượng

phát biểu liên quan đến từng chủ đề, tính tỉ lệ phần trăm... Điều này giúp chúng tôi có những nhận định về mối quan hệ giữa các chủ đề chính cũng như giữa các chủ đề phụ của chủ đề chính. Dựa vào công cụ (2), chúng tôi lập bảng so sánh các ưu, khuyết điểm theo từng chủ đề, từ đó rút ra những kết luận *định tính*.

\* **Bước 6:** Từ bước 5, tổng hợp, viết thành báo cáo hoàn chỉnh.

Việc phân tích số liệu được thực hiện vào tháng 01 năm 2009. Sau đây là các kết quả ghi nhận.

### 3. Kết quả thu thập qua các báo cáo

Số các ý kiến liên quan đến 4 chủ đề nêu trên, theo thống kê của *Atlas.ti*:

**Bảng 2. Số ý kiến theo từng chủ đề chính**

STT	Chủ đề chính	Số ý kiến	Tỉ lệ
1	Công tác GD	271	63,02%
2	Công tác CN	120	27,91%
3	Chất lượng đào tạo	18	4,19%
4	Đề nghị	21	4,88%
<b>Tổng cộng</b>		<b>430</b>	<b>100%</b>

Từ bảng trên ta thấy rõ, vấn đề được đề cập nhiều nhất trong các báo cáo là *công tác GD*, chiếm gần 2/3 tổng số ý kiến. Tỉ lệ này có thể giúp chúng tôi khẳng định bước đầu rằng, các trường THPT rất quan tâm mảng GD của GS và coi đây là công tác chính trong đợt TTSP.

#### 3.1. Công tác giảng dạy của GS

**Bảng 3. Số lượng ý kiến về công tác GD theo các chủ đề**

TT	Chủ đề	Số ý kiến			
		Ưu điểm	Nhược điểm	Tổng cộng	Tỉ lệ
1	Kiến thức chuyên môn và nội dung bài giảng	47	23	70	25,83%
2	PP truyền đạt và cách thức tổ chức GD	37	68	105	38,75%
3	ĐDDH và phương tiện thí nghiệm	35	16	51	18,82%

4	Ứng dụng CNTT trong DH	26	3	29	10,7%
5	Tác phong và thái độ của GS trong GD	15	1	16	5,9%
<b>Tổng cộng</b>				<b>271</b>	<b>100%</b>

- Chủ đề thứ nhất: ưu điểm của GS trong lĩnh vực “*Kiến thức chuyên môn và nội dung bài giảng*” có số ý kiến đề cập cao nhất trong năm chủ đề, với 47 phát biểu. Điều này giúp chúng ta có thể khẳng định bước đầu rằng, *kiến thức chuyên môn* là một trong những ưu điểm lớn của GS trong quá trình TTSP. Điều đó đồng nghĩa với việc mảng kiến thức chuyên môn của khoa được thiết kế và GD khá tốt.

- Chủ đề “*PP truyền đạt và cách thức tổ chức GD*” có tỉ lệ ý kiến cao nhất, với hơn 1/3 tổng số phát biểu. Đó nó cũng là chủ đề duy nhất trong 5 chủ đề mà số ý kiến về các nhược điểm nhiều hơn gần gấp đôi ưu điểm (68:37). Tỉ lệ này chứng

tỏ đây là chủ đề *nổi cộm nhất*, đặc biệt là phần *nhược điểm*.

- Trong 3 chủ đề còn lại, các ý kiến về ưu điểm vượt trội các phát biểu về khuyết điểm. Đặc biệt, hai chủ đề “*ứng dụng CNTT trong dạy học*”, “*tác phong và thái độ của GS trong GD*”, có số lượng các phát biểu về ưu điểm cao xấp xỉ 10 lần các ý kiến về nhược điểm!

Sau đây, chúng tôi đi sâu phân tích từng chủ đề của công tác GD.

### 3.1.1. Kiến thức chuyên môn và nội dung bài giảng

Những ưu, nhược điểm phổ biến của GS về kiến thức chuyên môn và nội dung bài giảng được thể hiện qua bảng 4 sau:

**Bảng 4. Kiến thức chuyên môn và nội dung bài giảng**

Lĩnh vực	Ưu điểm	Nhược điểm
Kiến thức chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khá vững, đủ trình độ GD, chuẩn xác, ít mắc khuyết điểm lớn.</li> <li>- Đa số GS chịu khó nghiên cứu, sưu tầm tài liệu GD; đầu tư mở rộng và đào sâu kiến thức; cố gắng tiếp cận chương trình mới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số ít kiến thức còn sai sót, chưa chính xác ở một vài chi tiết.</li> </ul>
Nội dung bài giảng		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu là trình bày sơ lược các kiến thức trong sách giáo khoa (SGK), chưa có chiều sâu, chưa khai thác triệt để nội dung của sách.</li> <li>- Tham kiến thức, ôm đồm, chưa tinh giản và nêu bật được trong tâm bài dạy.</li> <li>- Chưa gắn kết với giáo dục tư tưởng, đạo</li> </ul>

		đức, ít liên hệ, vận dụng trong thực tế. - Chưa chú ý trình độ HS.
Cấu trúc bài giảng		- Thiếu tính hệ thống. - Thiếu củng cố từng phần, toàn bài.

Rõ ràng kiến thức chuyên môn của GS đủ đáp ứng yêu cầu công tác GD ở trường THPT, đồng thời các GS cũng thể hiện tinh thần nghiêm túc đối với việc GD. Tuy nhiên, về bài giảng thì còn hai vấn đề khá lớn cần khắc phục, đó là *nội dung* và *cấu trúc bài giảng*. Về nội dung bài giảng, có 4 vấn đề cần khắc phục: bài giảng *chưa sâu, chưa xác định được trọng tâm, chưa gắn kết được với thực tế cuộc sống và việc giáo dục tư tưởng, đạo đức*, đồng thời, *chưa chú ý trình độ HS*. Về cấu trúc bài giảng, có 2 vấn đề đáng quan tâm: *tính hệ thống và các hoạt động*

*củng cố kiến thức*. Chúng tôi cho rằng đây là những nhược điểm khó có thể tránh khỏi của GS trong quá trình thực tập vì đây là giai đoạn học nghề, SV lần đầu bước lên bục giảng. Tuy nhiên, về phía KSP, các GV tổ Phương pháp dạy học cần tăng cường dạy SV kỹ năng phân tích chương trình, phân tích cấu trúc nội dung bài học trong SGK phổ thông.

### **3.1.2. Phương pháp truyền đạt và cách thức tổ chức giảng dạy**

Dưới đây là ưu, nhược điểm chủ yếu về PP truyền đạt và cách thức tổ chức GD của các GS:

**Bảng 5. Phương pháp dạy học**

<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ưu điểm</b>	<b>Nhược điểm</b>
Sự vận dụng các PPDH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được những PP đặc thù của bộ môn, vận dụng linh hoạt, phù hợp bài dạy và đặc trưng bộ môn. Ngoài ra, việc phối hợp các PPDH cũng khá tốt. Từ đó, nhiều GS phát huy được tính tích cực của HS, thể hiện được yêu cầu “<i>dạy trong hoạt động và bằng hoạt động</i>”.</li> <li>- Đối với PP <i>đàm thoại gợi mở</i>, nhiều GS xây dựng hệ thống câu hỏi gợi mở khá tốt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số GS chưa chọn được PP thích hợp cho bài dạy và kỹ năng phối hợp các PP còn yếu.</li> <li>- Một số GS hay sử dụng PP <i>đọc chép, diễn giảng nhiều</i>, ít phát vấn.</li> <li>- Về PP <i>đàm thoại gợi mở</i>: hệ thống câu hỏi của nhiều GS còn rập khuôn SGK, thiếu tính sáng tạo, chưa phát huy được tư duy HS. Các câu hỏi còn không rõ, khó hiểu, rời rạc, thiếu logic.</li> <li>- Đối với vấn đề <i>dạy học hợp tác</i>, việc tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả chưa cao.</li> <li>- Khá nhiều GS chưa biết <i>nêu vấn đề</i> trong dạy học</li> <li>- Kỹ năng <i>làm thí nghiệm trên lớp</i></li> </ul>

		còn yếu.
Diễn đạt	Đa số GS có giọng nói rõ ràng, mạch lạc, tạo hứng thú học tập cho HS.	Lời giảng chưa gọn, giọng nói nhỏ, thiếu truyền cảm, phát âm chưa chuẩn.
Ghi bảng và trình bày bảng		Chưa khoa học, viết nhiều, viết chậm, <i>chữ viết xấu</i> , không ngay hàng, sai chính tả.
Các hoạt động dạy học		Tổ chức và thiết kế còn lúng túng, chưa phong phú, thiếu sinh động.
Tổ chức và quản lý giờ dạy		Chưa bao quát lớp, phân bố thời gian chưa hợp lý, chưa biết cách thu hút, duy trì chú ý của HS, dễ mất bình tĩnh khi gặp tình huống ngoài ý muốn.

Để dàng nhận thấy rằng, phần lớn GS đã nắm được về cơ bản các PPDH tích cực và mạnh dạn áp dụng khi TTSP. Trong các PP mới được GS sử dụng, nổi bật nhất có lẽ là *đàm thoại gợi mở*. PP *dạy học hợp tác* và *dạy học nêu vấn đề* ít được GS vận dụng hoặc vận dụng không đạt hiệu quả. *Dạy học hợp tác* và *dạy học nêu vấn đề* là các PPDH đã được KSP đưa vào trong chương trình đào tạo GV và cũng đã được khá nhiều GV sử dụng trong quá trình dạy học, tuy nhiên, việc sử dụng các PP này trong thực tế đòi hỏi những điều kiện khách quan và chủ quan. Về điều kiện chủ quan: GS phải nắm vững PP, nắm vững kiến thức môn học và phải có sự linh hoạt trong tổ chức hoạt

động DH. Về điều kiện khách quan: cần phải có không gian lớp học thuận tiện (diện tích phòng học, bàn ghế đơn) và kỹ năng thảo luận, kỹ năng giải quyết vấn đề của HS. Nếu các GV trường PT ít sử dụng hai PP này thì không thể đòi hỏi HS thuần thục hai kỹ năng trên. Do vậy, GS mắc nhược điểm về 2 PP trên là điều dễ hiểu. Nhược điểm về cách diễn đạt, cách tổ chức và quản lý giờ dạy đặt ra vấn đề KSP cần tạo điều kiện cho SV được rèn luyện các kỹ năng này nhiều hơn qua các học phần, đặc biệt là học phần Tập giảng.

### 3.1.3. Đồ dùng dạy học

Các trường PT đã có ý kiến về kỹ năng sử dụng ĐDDH của GS như ở bảng 6 sau đây:

**Bảng 6. Chế tạo và sử dụng đồ dùng dạy học**

Lĩnh vực	Ưu điểm	Nhược điểm
Chế tạo ĐDDH	Khá tích cực, chịu khó tự làm hoặc kết hợp với bộ môn làm và được đánh giá cao.	Một số GS ít sử dụng đồ dùng DH, tự làm đồ dùng DH còn hạn chế, chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc làm ĐDDH. Một số

		khác làm nhiều nhưng hiệu quả sử dụng chưa cao.
Sử dụng ĐDDH	Nhiều GS sử dụng <i>giáo cụ trực quan</i> (tranh, ảnh, hình chiếu, ...) và <i>các phương tiện thí nghiệm</i> minh họa làm cho bài dạy thêm sinh động.	- Việc sử dụng <i>giáo cụ trực quan</i> (tranh, ảnh, hình chiếu, ...) chưa đạt tính SP: cỡ chữ, hình vẽ nhỏ; nơi bố trí (trên bàn, bảng, ...) chưa phù hợp - Về <i>phương tiện thí nghiệm</i> : các GS ít khai thác hoặc sử dụng chưa hiệu quả.

Khả năng sử dụng ĐDDH và các phương tiện thí nghiệm là một trong những ưu điểm nổi bật của GS. Tỷ lệ sử dụng giáo cụ trực quan khá cao và thường xuyên. Điều này thể hiện việc các GV của KSP đã chú ý sử dụng phương tiện trực quan đồng thời hướng dẫn SV

thiết kế phương tiện trực quan (ví dụ như tổ chức cuộc thi chế tạo đồ dùng DH). Tuy nhiên, cần cần tăng cường hướng dẫn SV về tính sư phạm của việc sử dụng giáo cụ trực quan.

#### **3.1.4. Ứng dụng CNTT trong dạy học**

**Bảng 7. Sử dụng công nghệ thông tin**

Ưu điểm	Nhược điểm
Nhiều GS mạnh dạn thiết kế bài dạy bằng Powerpoint. Một số tự làm hoặc kết hợp tổ chuyên môn làm giáo án điện tử, mang lại hiệu quả cao trong GD, đồng thời tạo khí thế học tập cho HS.	- Giáo án điện tử đầu tư công phu nhưng chưa phù hợp về hình ảnh, câu hỏi, tiến độ giờ lên lớp. Một số GS chỉ đơn thuần dùng màn hình thay thế bảng đen. - Số giờ dạy bằng CNTT chưa nhiều.

Bảng thống kê trên thể hiện việc dạy SV sử dụng CNTT trong DH (bao gồm phần mềm Powerpoint và các phần mềm khác) được KSP rất chú trọng. Điều này đã được các trường đánh giá SV khá cao. Một SV còn hướng dẫn GV ở trường PT cách sử dụng CNTT trong DH. Về các nhược điểm đã nêu, chúng tôi cho rằng điều này có nguyên nhân khách

quan. Đó là sự hạn chế về hệ thống máy tính, màn hình, phòng học của các trường THPT, do đó, GS gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng CNTT. Hơn nữa, một số trường PT có quan niệm chưa đúng về sử dụng CNTT, dẫn đến việc lạm dụng.

#### **3.1.5. Tác phong và thái độ của GS trong công tác giảng dạy**

**Bảng 8. Tác phong, thái độ trong công tác giảng dạy**

Chủ đề	Ưu điểm	Nhược điểm
Tác phong	Tự tin, bình tĩnh, nghiêm túc, chững chạc, đúng mực.	Thời gian đầu đứng lớp còn thiếu tự tin.
Thái độ	Yêu nghề, có tinh thần sáng tạo, biết	



	học hỏi, cầu tiến, tận tâm, nhiệt tình, cầu thị và có trách nhiệm với công việc; chịu khó đầu tư soạn giảng và làm thí nghiệm trên lớp; chuẩn bị chu đáo thiết bị và ĐDDH cho tiết dạy.	
--	---	--

Các báo cáo phần lớn khen ngợi thái độ và tác phong SP của GS. Đây là một ưu điểm lớn của các GS. Việc tăng cường học phần Tập giảng vào HK 7, trước khi SV đi thực tập đã có tác dụng tốt trong việc tạo nên những ưu điểm trên của SV.

### 3.2. Công tác chủ nhiệm của GS

Về công tác CN, các ý kiến tập trung thành ba chủ đề: (1) Giáo dục HS và giải quyết tình huống SP; (2) Tổ chức, quản lý các hoạt động và phong trào thi đua; (3) Thái độ đối với công tác chủ nhiệm.

**Bảng 9. Số lượng ưu, nhược điểm về công tác chủ nhiệm**

<b>Khoá 25 và khoá 27</b>					
<i>Giáo dục HS</i>		<i>Tổ chức, quản lý HĐ</i>		<i>Thái độ trong công tác CN</i>	
Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm
0	5	0	3	1	2
<b>Khoá 28</b>					
<i>Giáo dục HS</i>		<i>Tổ chức, quản lý HĐ</i>		<i>Thái độ với công tác CN</i>	
Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm
3	15	4	15	3	5
<b>Khoá 29</b>					
<i>Giáo dục HS</i>		<i>Tổ chức, quản lý HĐ</i>		<i>Thái độ với công tác CN</i>	
Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm
1	6	2	5	0	0
<b>Khoá 30</b>					
<i>Giáo dục HS</i>		<i>Tổ chức, quản lý HĐ</i>		<i>Thái độ với công tác CN</i>	
Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm
2	14	14	8	10	2
<b>Tổng hợp</b>					
<i>Giáo dục HS</i>		<i>Tổ chức, quản lý HĐ</i>		<i>Thái độ với công tác CN</i>	
Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm
6	40	20	31	14	9

Bảng tổng hợp trên cho ta thấy, trong 3 chủ đề, chỉ có “*thái độ với công tác CN*” là có số ý kiến về ưu điểm vượt trội so với nhược điểm (14: 9). Hai chủ đề còn lại, số ý kiến về nhược điểm nhiều hơn. Điều này chứng tỏ, *khả năng về giáo dục HS và tổ chức quản lý các hoạt động của nhiều GS còn khá nhiều khiếm khuyết*, mặc dù GS có thái độ tích cực đối với các công tác này.

Số liệu trên cho ta thấy *sự tiến bộ của GS khoá 30* so với các khóa trước về *tổ chức, quản lý hoạt động và thái độ trong công tác CN*. Về *tổ chức, quản lý hoạt động*, nếu ở các khóa 25, 27, 28, 29, các nhược điểm luôn lấn át ưu điểm, thì ở

khoá 30, lần đầu tiên, các ý kiến liên quan đến ưu điểm nhiều hơn so với những phát biểu đề cập các nhược điểm (14:8). Về thái độ, ở khoá 30, số các ý kiến về ưu điểm so với nhược điểm đạt tỉ lệ cao (5:1). Chúng tôi sẽ phân tích chi tiết từng chủ đề của công tác CN ở phần sau.

### 3.2.1. Giáo dục HS và giải quyết tình huống SP

Những ưu và nhược điểm của GS về lĩnh vực này được thể hiện ở bảng 10 sau:

**Bảng 10. Công tác giáo dục HS và giao tiếp với gia đình HS**

Chủ đề	Ưu điểm	Nhược điểm
Giáo dục HS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GS thường có biện pháp uốn nắn, nhắc nhở, giúp đỡ HS, đặc biệt là HS yếu kém.</li> <li>- Bước đầu tham gia giáo dục HS cá biệt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều GS chưa nắm vững nguyên tắc giáo dục hành vi, đạo đức cho HS.</li> <li>- Chưa chú ý giáo dục đạo đức, ý thức tập thể cho HS.</li> <li>- Theo dõi, đánh giá HS chưa sâu, hay làm thay, dễ dãi với HS.</li> <li>- Chưa có kinh nghiệm, biện pháp giúp đỡ, giáo dục HS yếu, kém.</li> <li>- Chưa mạnh dạn xử lý những vi phạm của HS.</li> <li>- Đối với <i>HS cá biệt</i>, các GS chưa xâm nhập, tìm hiểu, đề xuất các biện pháp hữu hiệu để giáo dục các em; chưa mạnh dạn phê bình các em cá biệt. Một số GS tham gia giáo dục HS cá biệt nhưng hiệu quả chưa cao.</li> </ul>
Giao tiếp với phụ huynh	Các GS thường tích cực tìm hiểu, thăm gia đình HS	- Giao tiếp với phụ huynh chưa tốt, ít chú ý quan hệ với gia đình HS cá biệt.
Tình huống sư phạm	Một vài GS ứng phó tình huống sư phạm tốt.	Phần lớn GS chưa chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch ứng phó và giải quyết. Một số GS xử lý tình huống chưa linh hoạt và kịp thời.

Ba điểm yếu của GS là giáo dục HS cá biệt, cách thức giao tiếp với phụ huynh và PP xây dựng kế hoạch ứng phó, giải quyết tình huống sư phạm. Giáo dục HS cá biệt là thử thách lớn đối với tất cả các GV, kể cả GV lâu năm, do vậy, GS chưa có kinh nghiệm về việc này là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, Bộ môn Tâm lý – Giáo dục cần lưu ý trang bị thêm kiến thức về tâm lý, tính cách, trình độ HS, tăng

cường rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống linh hoạt, nhạy bén cho SV.

### 3.2.2. Tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm, quản lý các hoạt động và phong trào thi đua

Tổ chức giờ sinh hoạt CN và quản lý các hoạt động, các phong trào cho HS ở trường PT là một yêu cầu quan trọng của công tác CN lớp (bảng 11).

**Bảng 11. Tổ chức quản lý các hoạt động và phong trào thi đua**

Chủ đề	Ưu điểm	Nhược điểm
Tổ chức giờ chủ nhiệm	Một số GS chủ động công tác, lên kế hoạch rõ ràng, sáng tạo, báo cáo đầy đủ các nội dung yêu cầu; biết đề ra biện pháp thực hiện kế hoạch và tiến hành công việc một cách khoa học.	- Kế hoạch CN còn chung chung, đặc biệt là 15 phút đầu buổi. - Nội dung sinh hoạt lớp nghèo nàn.
Tổ chức sinh hoạt tập thể	Một số GS có kinh nghiệm trong sinh hoạt tập thể.	Khả năng quản lý HS trong sinh hoạt tập thể với quy mô toàn trường của GS còn hạn chế.
Hoạt động ngoại khoá, ngoài giờ lên lớp	- Tổ chức và quản lý tốt HS tham gia <i>sinh hoạt học thuật theo từng chủ điểm</i> của tháng bộ môn. - Tham gia <i>truy bài đầu buổi, phụ đạo</i> HS yếu kém. - Xây dựng <i>phong trào học tổ, học nhóm</i> . - Tổ chức cho HS tham quan và <i>nghe tư vấn tuyển sinh</i> tại ĐH Cần Thơ.	- Rụt rè, thiếu mạnh dạn, chưa chủ động trong các hoạt động. - Chưa sáng tạo trong việc đề ra hoạt động mới, xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện. - Nhiều hoạt động ngoại khoá hiệu quả chưa cao.
Phong trào thi đua	Đa số GS hỗ trợ nhiệt tình các phong trào thi đua của lớp CN, có các hình thức thi đua giữa các tổ, nhóm.	Chưa biết cách vận động, lôi cuốn HS tham gia phong trào

Ưu điểm lớn nhất của GS tổ chức nhiều hoạt động trong quá trình TTSP: sinh hoạt học thuật, phụ đạo, học tổ, học nhóm, tư vấn tuyển sinh. Tuy nhiên, sự

đa dạng này không rộng khắp ở các trường và không nhiều GS có khả năng thực hiện các hoạt động này. Vấn đề cần cải tiến ở đây, theo chúng tôi, là: (1)

Đoàn trường và đoàn khoa cần tổ chức các lớp tập huấn, các gameshow để giúp SV biết cách tổ chức các hoạt động phong trào, vui chơi cho HS; (2) Các Câu lạc bộ học thuật và Câu lạc bộ Nhà giáo trẻ cần tăng cường các sinh hoạt học thuật với nội dung phong phú, hình thức tổ chức hấp dẫn gắn với CT phổ thông để giúp SV khi đi thực tập biết cách tổ chức các hoạt động tương tự; (3) Bộ môn Tâm lý – Giáo dục cần xem lại chương trình và cách dạy các học phần *Công tác CN lớp, Hoạt động ngoài giờ lên lớp và Công tác hướng nghiệp* dưới dạng các tình huống cụ thể để qua đó, SV không

chỉ được học lý thuyết mà còn hình thành kỹ năng CN, kỹ năng tổ chức hoạt động ngoại khóa. Nhược điểm của phần lớn GS là sự thiếu tự tin, không mạnh dạn, chủ động, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động. Phải chăng nhược điểm trên là hệ quả của việc SV chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng về các mặt trên trước khi đi thực tập? Nhược điểm khác của GS là khả năng vận động, lôi cuốn HS tham gia còn hạn chế. Từ đây đặt ra vấn đề cần rèn luyện cho SV các kỹ năng thuyết phục, vận động HS.

**3.2.3. Thái độ đối với học sinh và công tác chủ nhiệm**

**Bảng 12. Thái độ đối với HS và công tác chủ nhiệm lớp**

Chủ đề	Ưu điểm	Nhược điểm
Thái độ đối với HS	- Thân thiện, nhiệt tình. - Gắn bó, theo sát các hoạt động của lớp CN và thường xuyên đến lớp.	Chưa bám sát lớp CN, chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến khi thấy hoạt động của trường, của lớp chưa đạt yêu cầu.
Thái độ đối với công tác CN	Năng động, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật, chuẩn bị chu đáo cho giờ sinh hoạt CN.	- Ít quan tâm, chưa nhiệt tình, năng nổ, sáng tạo trong công tác CN. - Rụt rè, thiếu chủ động, hay lệ thuộc vào GV hướng dẫn, chưa phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, thời gian đầu còn lơ là trong công tác CN. - Thiếu tự tin khi sinh hoạt CN.

Ưu điểm nổi bật của các GS trong công tác CN và thái độ đối với HS là sự *nhiệt tình* và *thân thiện*. Nhược điểm nổi bật nhất chính là sự *thiếu tự tin, thiếu chủ động, sáng tạo* trong công tác CN mặc dù GS thường có sự chuẩn bị chu đáo trước khi lên lớp. Điều này đặt ra vấn đề cần cho các GV dạy học phần Giáo dục học là cần tăng cường dạy kỹ năng CN lớp thông qua hình thức trực quan (cho GS

xem băng hình một tiết CN, đánh giá, nhận xét) và cho GS thực hành tiết sinh hoạt CN trước khi quá trình TTSP bắt đầu.

**3.3. Chất lượng đào tạo của KSP**

Về **chất lượng đào tạo nói chung**, ý kiến phổ biến là “*chất lượng khá tốt, ngày càng tốt hơn và phù hợp với tình hình phát triển hiện nay*”. Trước khi đi TTSP, “*GS được chuẩn bị khá kỹ*”

(THPT Lưu Văn Liệt, 2005 – 2006) và sau khi đi TTSP, “*nhiều GS có triển vọng là giáo viên giỏi về chuyên môn và phương pháp mới*” (THPT Nguyễn Việt Dũng, 2005 – 2006)

Về **thái độ đối với công tác GD và CN**, ưu điểm của nhiều GS là “*chủ động lập được kế hoạch soạn giảng và CN*”. Tuy nhiên, ngoài thái độ “*chủ động*”, trong các báo cáo, không nêu cụ thể về chất lượng của các kế hoạch CN. Riêng về **chất lượng công tác GD**, phần lớn các báo cáo đề cập đến những *ưu điểm* sau của GS: có *kiến thức* khá vững; cố gắng vận dụng và PPDH; chịu khó làm *đồ dùng DH*; tích cực làm *thí nghiệm trên lớp*; mạnh dạn *ứng dụng CNTT* trong DH. *Nhược điểm* thường được đề

cập trong các báo cáo của các trường PT là “*phần lớn GS có trình độ chưa đồng đều giữa hai mặt kiến thức và năng lực sư phạm*”.

Những nhận xét trên cho ta thấy chất lượng đào tạo của KSP ngày càng được nâng cao. Điều này thể hiện chất lượng đội ngũ “*máy cái*” của KSP về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều việc phải làm để giảm thiểu khoảng cách trình độ giữa các SV.

### 3.4. Đề nghị

Về đề nghị, chúng tôi thu được tổng cộng 21 ý kiến xoay quanh 3 chủ đề: (1) Các đề nghị chung; (2) Các đề nghị liên quan đến công tác GD; (3) Các đề nghị liên quan đến công tác CN.

**Bảng 13. Phân loại các đề nghị**

<b>I. Các đề nghị chung</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện cho SV kỹ năng phát hiện vấn đề trong GD và CN.</li> <li>- Hướng dẫn SV kỹ hơn trong việc xây dựng, điều chỉnh kế hoạch cá nhân và viết báo cáo thành tích.</li> <li>- Hướng dẫn SV học tập 2 môn <i>Hướng nghiệp</i> và <i>Giáo dục ngoài giờ lên lớp</i> để GS có thể dạy các môn này khi TTSP.</li> <li>- Bắt buộc SV nghiên cứu Luật Giáo dục và Điều lệ trường THPT. Cho SV tham khảo tiêu chuẩn đánh giá tiết dạy trường THPT của Bộ.</li> </ul>
<b>II. Các đề nghị liên quan công tác giảng dạy</b>	
1	<p><i>Kiến thức chuyên môn và nội dung bài giảng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho GS sớm làm quen chương trình THPT để GS không lúng túng khi soạn giảng.</li> <li>- Chú ý kiến thức thực tế tại trường THPT.</li> <li>- Củng cố, ôn tập, hệ thống lại cho GS kiến thức từng môn ở bậc THPT.</li> </ul>
2	<p><i>PP truyền đạt và cách thức tổ chức GD</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tập giảng và tập giảng sát với chương trình GD thực tế ở trường THPT để nâng cao chất lượng bài dạy, tăng sự tự tin, bình tĩnh cho GS.</li> <li>- Tăng cường rèn luyện chữ viết, phát âm đúng chuẩn, cách trình bày bảng, cách truyền đạt, phối</li> </ul>

		hợp các PP. - Tăng cường trang bị cho SV PP nêu vấn đề. - Tăng cường cho SV dạy thực hành, thí nghiệm
3	<i>ĐDDH, phương tiện thí nghiệm</i>	Bồi dưỡng kỹ năng làm và sử dụng hiệu quả ĐDDH, phương tiện thí nghiệm.
4	<i>Ứng dụng CNTT trong DH</i>	Bồi dưỡng SV kỹ năng ứng dụng CNTT trong DH.
5	<i>Tác phong và thái độ của GS trong công tác GD</i>	Yêu cầu GS xem trọng việc tập giảng và dự giờ bạn cùng nhóm thực tập
<b>III. Các đề nghị liên quan đến công tác chủ nhiệm</b>		
1	<i>Kỹ năng giao tiếp</i>	Cần rèn luyện cho SV kỹ năng giao tiếp với HS, phụ huynh.
2	<i>Tổ chức, quản lý các hoạt động và phong trào thi đua</i>	Bồi dưỡng kỹ năng sinh hoạt tập thể, tổ chức trò chơi tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp...
3	<i>Thái độ của GS trong công tác CN</i>	[không có ý kiến đề nghị]

Phần lớn các đề nghị tập trung ở mảng công tác GD. Điều này chứng tỏ, mảng công tác GD là vấn đề được các trường quan tâm nhiều nhất. Trong mảng công tác này, PP nêu vấn đề, kỹ năng làm và sử dụng đồ dùng DH là các vấn đề mà các tổ PPGD của các Bộ môn cần bổ sung cho SV. Kỹ năng diễn đạt (rõ ràng, mạch lạc, đúng ngữ pháp, chính tả) cũng là một điểm yếu của nhiều SV. Điểm yếu này chỉ có thể được khắc phục nếu GV của tất cả các môn học đều quan tâm nhắc nhở, sửa chữa cho SV, tạo điều kiện cho SV được phát biểu, thảo luận, thuyết trình sản phẩm của nhóm. Đồng thời, khi xây dựng lại CT đào tạo, cần thiết kế môn học “Kỹ năng giao tiếp”. Vấn đề khác là nên tăng cường giờ tập giảng và nâng cao chất lượng tập giảng cho SV. Một đề nghị cũng khá xác đáng, đó là việc *củng cố, ôn tập, hệ thống* các kiến

thức THPT. Điều này đặt ra vấn đề cần bổ sung, cải tiến môn “Phân tích chương trình THPT”.

Về công tác CN, mặc dù có các trường phản ánh nhiều nhược điểm của GS nhưng lại khá ít đề nghị từ phía các trường. Điều này phải chăng thể hiện thực tế: Chính các trường cũng có nhiều lúng túng trong công tác CN? Các đề nghị chủ yếu xoay quanh 2 kỹ năng của SV: giao tiếp với phụ huynh, gia đình HS và tổ chức hiệu quả sinh hoạt tập thể. Các đề nghị này đặt ra những vấn đề cần lưu ý trong nội dung GD tâm lý và cách thức tập huấn kỹ năng sinh hoạt tập thể cho SV của tổ chức Đoàn Thanh niên các cấp.

#### **4. Kết luận**

Qua ý kiến của Ban chỉ đạo thực tập các trường THPT, ta có thể rút ra một số điểm mà những người thiết kế

CTĐTGV của KSP cần chú ý: **(1) Về CTĐT:** Cần gắn chặt hơn nữa với CT, SGK THPT, cần tăng cường học phần Tập giảng cho SV và thiết kế thêm môn học “Kỹ năng giao tiếp” cho SV; **(2) Về kỹ năng SP:** Cần rèn luyện thêm các kỹ năng diễn đạt, trình bày bảng, sử dụng các phương tiện DH, kỹ năng quản lý lớp học và ứng phó với các tình huống SP, tăng cường dạy các PP dạy học tích cực, đặc biệt là PP nêu vấn đề, thảo luận nhóm; **(3) Về công tác CN lớp:** Cần tăng cường rèn luyện cho SV kỹ năng CN lớp,

kỹ năng tổ chức hoạt động ngoại khóa và hướng nghiệp. Đoàn Thanh niên và Câu lạc bộ Nhà giáo trẻ của Khoa cần tổ chức các lớp tập huấn về cách tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, tổ chức sinh hoạt Đoàn... cho SV. Những số liệu trong bài báo này sẽ được sử dụng để định hướng việc thiết kế lại CTĐT của KSP, ĐH Cần Thơ trong năm tới. Vấn đề cần nghiên cứu tiếp theo là: Khi thực hiện CTĐT 120 tín chỉ (theo Quy chế 43 của Bộ GD&ĐT) thì chất lượng ĐTGV của KSP sẽ như thế nào?

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allen & Unwin (1993), *Curriculum Development and Design*. Murray Print.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học* (Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01-11-2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học*.
4. Đại học Cần Thơ (2010), *Tài liệu hướng dẫn tự đánh giá chương trình theo bộ tiêu chuẩn AUN*.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đơn vị đào tạo đại học Đại học Quốc gia Hà Nội* (Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2005/QĐ-KĐCL ngày 13-12-2005 của Giám đốc ĐHQGHN Mai Trọng Nhuận), 20 tr.
6. Oliva, P. F. & Nguyễn Kim Dung (dịch) (2006), *Xây dựng chương trình học*, Nxb Giáo dục.